

La Bằng, ngày 27 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về kế hoạch và kết quả hoạt động
giáo dục thường xuyên năm học 2025 -2026
(Thể hiện rõ các nội dung công khai được quy định trong Thông tư số 09/2024/TTBGDDT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.)

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			Đối sánh số liệu với năm trước liền kề
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	
I	Số liệu về học sinh	997	465	304	228	
1	Tổng số HS	997	465	304	228	
	- Số học sinh nam	664	330	180	154	
	- Số học sinh nữ	333	135	124	74	
2	Tuyển sinh mới	465	465	0	0	
3	Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối	45	46	45	43	
4	Số học sinh học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	
5	Số học sinh là người dân tộc thiểu số	468	219	150	99	
6	Số học sinh là người khuyết tật	3	1	1	1	
7	Số học sinh chuyển trường đến	0	0	5	0	
8	Số học sinh chuyển trường đi	0	0	0	0	

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

			Chia ra theo khối lớp	Đối
--	--	--	-----------------------	-----

						sánh số liệu với năm trước liền kề
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	
1	Số học sinh chia theo học lực/học tập	997	465	304	228	
	Tốt	54	2	10	42	
	Khá	476	131	171	174	
	Đạt	421	297	112	12	
	Chưa đạt	46	35	11	0	
Số học sinh chia theo hạnh kiểm/rèn luyện						
	Tốt	604	205	188	211	
	Khá	248	142	89	17	
	Đạt	85	68	17	0	
	Chưa đạt	60	50	10	0	
Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi						
	Cấp huyện					
	Cấp tỉnh/thành phố	3	1	1	1	
	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
	số lượng học sinh được lên lớp	92.18%	87.10%	94.08%	100%	
	số lượng học sinh không được lên lớp	7.82%	12.90%	5.92%	0.00%	

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %	Đối sánh số liệu với năm trước liền kề
1	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình/ học sinh được cấp bằng tốt nghiệp	227/220	96,92%	
	số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông			
	số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học			

	phổ thông			
--	-----------	--	--	--

d) Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Bình